

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III/2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ Tây Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - QUÝ III	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NS PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Số thu phí, lệ phí	57,500	35,600	61,913	205,187
1.1	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	1,200	60,000	120,000
1.2	Phí	55,500	34,400	61,982	119,444
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	40,500	33,900	83,704	207,339
b	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân (85%)	0,000	0,500	0,000	0,000
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	10,000	0,000	0,000	
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	5,000		0,000	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	43,425	29,240	67,334	234,295
a	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (85%)	34,425	28,815	83,704	602,824
b	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân	0,000	0,425	0,000	
c	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ 50%	5,000	0,000	0,000	
d	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (90%)	4,000	0,000	0,000	
2.1	Chi sự nghiệp KHCN				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	14,075	6,360	45,187	184,188
a	Lệ phí cấp giấy phép, giấy ĐK và Chứng chỉ	2,000	1,200	60,000	200,000
b	Phí thẩm định an toàn Bức xạ (Nộp 15%)	6,075	5,085	83,704	330,195
c	Phí thẩm định kế hoạch Ứng phó sự cố Bức xạ, hạt nhân (15%)		0,075	0,000	-
d	Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ	5,000	0,000	0,000	
e	Phí thẩm định ĐK hoạt động về KHCN (Nộp 10%)	1,000	0,000	0,000	
II	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	22.212,54	1.885,597	8,489	96,622
1	Chi quản lý hành chính	3.820,54	857,001	22,431	90,428
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.053,00	669,572	21,932	73,899
a	Quỹ lương + HDLĐ ND68	2.389,00	579,749	24,267	89,639
b	Chi hoạt động	664,00	89,823	13,528	28,169
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	254,000	68,648	27,027	50,209

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN - QUÝ III	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
1.3	Kinh phí Cải cách tiền lương	494,639	118,781	24,014	
1.4	Kinh phí tiền tết	18,900	-	0,000	0,000
2	Nghiên cứu khoa học	18.392,00	1.028,596	5,593	79,378
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	18.392,00	1.028,596	5,593	79,378
a	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 102)	12.500,00	1.028,596	8,229	32,579
b	10% trích tiết kiệm (Khoản 102)	285,00			
c	Thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ (Khoản 103)	5.500,00			
d	10% trích tiết kiệm (Khoản 103)	107,00			

KẾ TOÁN VP SỞ



LÊ THỊ KIỀU VÂN

Tây Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2020

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ




Dương Quốc Khánh